

Chính sách tài khóa và tiêu dùng tư nhân: Nghiên cứu trải nghiệm tại các quốc gia Đông Nam Á

**TRẦN THỊ XUÂN HƯƠNG, NGUYỄN THANH PHONG
NGUYỄN TRUNG THÔNG & NGUYỄN PHÚC CẢNH**

Trường Đại học Kinh tế TP. HCM

Nhận bài: 14/07/2015 - Duyệt đăng: 30/08/2015

Têu dùng tư nhân là thành phần quan trọng trong tổng cầu của một quốc gia, trong đó hàm số của tiêu dùng tư nhân phụ thuộc lớn vào thu nhập khả dụng và các điều kiện kinh tế vĩ mô khác. Một trong những yếu tố vĩ mô có tác động đến tiêu dùng tư nhân là chính sách tài khóa, chính sách được chính phủ thực thi thông qua chính sách thuế và tiêu dùng của chính phủ. Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu bảng giai đoạn 2000 – 2012 từ báo cáo của ADB để xem xét tác động của chính sách tài khóa đến tiêu dùng tư nhân tại các quốc gia Đông Nam Á. Thông qua hồi quy với dữ liệu bảng, tác giả phát hiện thấy

Từ khóa: Chính sách tài khóa, tiêu dùng tư nhân, thuế.

1. Giới thiệu

Do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, vai trò và tác động của chính sách vĩ mô mà đặc biệt là chính sách tài khóa đến các hoạt động kinh tế được chú ý nhiều hơn. Trong đó, nhiều nghiên cứu tập trung vào tác động của chính sách tài khóa đến đầu tư tư nhân thông qua nghiên cứu hiệu ứng lần át và hiệu ứng thúc đẩy với nhiều kết quả thực nghiệm khác nhau (Ahmed & Miller, 2000; Heutel, 2014; Şen & Kaya, 2014). Bên cạnh tác động đến đầu tư tư nhân, chính sách tài khóa còn có tác động đến tiêu dùng tư nhân thông qua chính sách thuế và chính sách chi tiêu của chính phủ ảnh hưởng đến thu nhập khả dụng và mong

đợi của người dân.

Những nghiên cứu tác động của chính sách tài khóa được tìm thấy chủ yếu ở các nước công nghiệp phát triển với những bằng chứng khác nhau ủng hộ hai lý thuyết: hiệu ứng lần át và hiệu ứng thúc đẩy, đồng thời các nghiên cứu này còn được cho rằng có thể áp dụng cho các nước đang phát triển; tuy nhiên số lượng nghiên cứu tại các nước đang phát triển là còn nhỏ và kết quả cũng còn nhiều tranh cãi (Schclarek, 2007). Do đó, nghiên cứu này tập trung tìm kiếm bằng chứng về tác động của chính sách tài khóa đến tiêu dùng tư nhân tại các quốc gia đang phát triển ở Đông Nam Á trong giai đoạn 2000 – 2012, đồng thời xem xét ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính

toàn cầu năm 2008 đến mối quan hệ đó.

Lý thuyết về tác động của chính sách tài khóa đến tiêu dùng tư nhân với hai hiệu ứng là hiệu ứng Keynes và hiệu ứng phi Keynes¹ xuất phát từ một trong những nghiên cứu đầu tiên của Giavazzi and Pagano (1990), trong đó hai nhà kinh tế học phát hiện rằng tác động của chính sách tài khóa phụ thuộc vào: Chính sách tài khóa mở rộng hay thắt chặt, độ lớn và độ dài của chính sách, các điều kiện ban đầu (trong đó bao gồm tốc độ tăng trưởng kỳ trước của nợ công, tỷ giá kỳ trước, và xu hướng của cung tiền), và

¹ Hiệu ứng Keynes là hiệu ứng khi chính phủ mở rộng chính sách tài khóa sẽ kích thích tiêu dùng khu vực tư nhân, và ngược lại hiệu ứng phi Keynes.



thành phần của chính sách tài khóa (thay đổi trong thuế, hay các khoản chuyển nhượng, hay chi tiêu công, đầu tư công và các khoản chi khác của chính phủ).

Nghiên cứu của Hemming, Kell, and Mahfouz (2002) đã tiến hành tổng hợp các nghiên cứu thực nghiệm về tác động của chính sách tài khóa đến hoạt động kinh tế và phát hiện thấy rằng các bằng chứng về hiệu ứng Keynes tồn tại nhưng mức độ là tương đối nhỏ, đồng thời các nhà nghiên cứu còn kết luận rằng hiệu ứng phi Keynes có thể tồn tại trong những trường hợp cụ thể. Tiếp đến nghiên cứu của Schclarek (2007) rút ra các kết luận sau: các kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu ứng Keynes tồn tại ở hầu hết các quốc gia, trừ một số trường hợp như trường hợp nghiên cứu của Jönsson (2007) tìm thấy bằng chứng của hiệu ứng phi Keynes trong trường hợp chính phủ thực thi chính sách tài khóa mở rộng thông qua các khoản chi chuyển

nhượng lớn và ổn định cho khu vực tư nhân. Trong trường hợp tác động của chính sách tài khóa mở rộng và chính sách tài khóa thắt chặt, các kết quả cho thấy có sự khác nhau trong tác động của hai chính sách này. Ví dụ như Hjelm (2002) phát hiện thấy tiêu dùng tư nhân tăng trưởng chậm hơn trong giai đoạn thắt chặt tài khóa so với giai đoạn bình thường, trong khi đó không có sự khác biệt giữa giai đoạn bình thường và giai đoạn mở rộng tài khóa. Về thành phần của chính sách tài khóa, các kết quả nghiên cứu cho thấy tác động khác nhau của thuế, chi tiêu hay chi chuyển nhượng của chính phủ đến tiêu dùng tư nhân.

Một số nghiên cứu gần đây cho thấy rằng tác động của chính sách tài khóa lên hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động tiêu dùng tư nhân nói riêng tiếp tục còn tranh cãi. Nghiên cứu của Parker, Souleles, Johnson, and McClelland (2011) xem xét tác

động của các gói kích thích năm 2008 đến tiêu dùng tư nhân của Mỹ cho thấy người dân chi tiêu gần 50% phần thu nhập nhận được từ các gói kích thích chi tiêu cho các sản phẩm lâu bền, trong đó nhóm người dân có thu nhập thấp và trung bình, cũng như người lớn tuổi chi tiêu các khoản trợ cấp nhiều hơn những nhóm còn lại.

Nghiên cứu của Akanbi (2013) tại Nam Phi cho thấy phản ứng của khu vực tư với chính sách tài khóa phụ thuộc lớn vào các rào cản trên thị trường hàng hóa như khả năng cung ứng của bên cung hay các rào cản về thông tin khác. Cụ thể, chính sách tài khóa sẽ hiệu quả hơn trong trường hợp bên cung không có rào cản về giá tăng cung ứng hàng hóa, trong đó chi tiêu của chính phủ sẽ có hiệu quả hơn trong trường hợp thị trường hàng hóa không có rào cản, còn chính sách thuế lại có hiệu quả hơn trong trường hợp thị trường hàng hóa có các rào cản khi các nhà sản xuất muốn gia tăng

lượng cung hàng hóa.

Nghiên cứu của Bouakez, Chihi, and Normandin (2014) sử dụng dữ liệu giai đoạn trước và sau khủng hoảng 1979 tại Mỹ và phát hiện chi tiêu và thuế của chính phủ có tác động khác nhau đến hoạt động kinh tế trước và sau khủng hoảng, trong đó việc gia tăng chi tiêu có tác động tích cực hơn lên tăng trưởng kinh tế so với việc cắt giảm thuế. Trong khi nghiên cứu của Carmignani (2008) tại các quốc gia OECD cho thấy rằng chính sách tài khóa có hiệu ứng Keynes tại các quốc gia đang chuyển đổi, nhưng lại có hiệu ứng phi Keynes tại các quốc gia có thu nhập cao trong các giai đoạn khủng hoảng hoặc tăng trưởng cao, đồng thời các khoản chi tiêu của chính phủ cho y tế và an ninh xã hội có tác động tích cực lên mức sống của xã hội.

Còn nghiên cứu của Candelon and Lieb (2013) cho kết luận rằng các khoản chi tiêu có tính chủ động và có kế hoạch của chính phủ có tác động tích cực trong giai đoạn có khủng hoảng kinh tế, vì vậy chính sách tài khóa chủ động có vai trò quan trọng trong việc chống lại khủng hoảng kinh tế. Đồng thời nghiên cứu này còn phát hiện rằng để chống lại khủng hoảng chính phủ các quốc gia nên chấp nhận một mức độ thâm hụt ngân sách nhất định thông qua cắt giảm thuế và chi tiêu nhiều hơn.

Như vậy, có sự khác biệt nhất định trong tác động của chính sách tài khóa đến tiêu dùng tư nhân ở các quốc gia đang phát triển so với các quốc gia phát triển, đồng thời mối quan hệ đó còn bị ảnh hưởng bởi các cuộc khủng hoảng kinh tế. Phần tiếp theo của bài viết này sẽ trình bày phương pháp nghiên cứu được sử dụng để nghiên cứu tác

động của chính sách tài khóa đến tiêu dùng tư nhân tại các quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2000 – 2012.

2. Mô hình và dữ liệu nghiên cứu

2.1. Mô hình nghiên cứu

Tác giả dựa trên nghiên cứu của Perotti (1999) và sau đó là nghiên cứu của Schclarek (2007) với giả định: Thứ nhất, thuế có tác động lần át với tiêu dùng tư nhân vì thuế càng thì thu nhập khả dụng của người dân giảm và tiêu dùng sẽ giảm đi; thứ hai, tỷ suất chiết khấu của khu vực công cao hơn khu vực tư cho nên nền kinh tế không thể ở trong trạng thái điều hòa mức thuế ổn định dài hạn; thứ ba, khu vực tư nhân được chia thành hai nhóm theo khía cạnh có thể tiếp cận thị trường tín dụng hay không; và thứ tư, tiêu dùng của chính phủ có tác động tích cực lên sản lượng quốc gia.

Để nghiên cứu tác động của chính sách tài khóa lên tiêu dùng tư nhân, tác giả áp dụng mô hình của hai nghiên cứu trên, trong đó tác giả sẽ ước lượng hai mô hình với giả định có hai nhóm khu vực tư nhân: một nhóm có thể tiếp cận vốn tín dụng và một nhóm không thể tiếp cận vốn tín dụng. Trong mô hình đầu tiên, tác giả ước lượng tác động của chính sách tài khóa lên tiêu dùng tư nhân của cả hai nhóm tiêu dùng tư nhân:

$$\Delta C_{it} = a_0 + a_1 \Delta G_{it} + a_2 \Delta T_{it} + a_3 \Delta Y_{it-1} + e_{it} \quad (1)$$

Trong đó ΔC_{it} là thay đổi trong tiêu dùng tư nhân của quốc gia i năm t , ΔG_{it} là thay đổi trong chi tiêu của chính phủ i năm t , ΔT_{it} là thay đổi trong thuế của quốc gia i năm t , ΔY_{it-1} là thay đổi trong thu nhập khả dụng của người dân quốc gia i năm $t-1$, a_i là các hệ số ước

lượng, e là phần dư của mô hình. Trong đó, a_1 đo lường tác động của chi tiêu chính phủ đến tiêu dùng tư nhân, khi $a_1 > 0$ có nghĩa rằng có tồn tại hiệu ứng Keynes trong chính sách tài khóa, ngược lại chính sách tài khóa có hiệu ứng phi Keynes lên tiêu dùng tư nhân. a_2 đo lường tác động của thuế đến tiêu dùng tư nhân, khi $a_2 < 0$ có nghĩa có tồn tại hiệu ứng Keynes trong chính sách tài khóa, ngược lại chính sách tài khóa có hiệu ứng phi Keynes lên tiêu dùng tư nhân.

Để nghiên cứu tác động của chính sách tài khóa lên khu vực tư nhân mà trong đó cho những nhóm đối tượng có khả năng tiếp cận thị trường tín dụng mà không có các rào cản ràng buộc, mô hình tiếp theo được sử dụng:

$$\Delta C_{it} = a_0 + a_1 \Delta G_{it} + a_2 \Delta T_{it} + a_3 \Delta Y_{it} + u_{it} \quad (2)$$

Rõ ràng, sự khác biệt giữa mô hình 1 và mô hình 2 là yếu tố thu nhập khả dụng được sử dụng, cũng dễ hiểu rằng trong mô hình 1 vì thu nhập khả dụng của kỳ trước được đưa vào mô hình có nghĩa rằng cả hai nhóm trong khu vực tư nhân dù có ràng buộc hay không có ràng buộc đều có khả năng sử dụng thu nhập đó để chi tiêu, trong khi ở mô hình 2 sử dụng thu nhập khả dụng của năm hiện tại cho nên có ảnh hưởng bởi khả năng tiếp cận tiếp cận để tiêu dùng nên mô hình 2 dùng để đo lường tác động của chính sách tài khóa đến tiêu dùng tư nhân cho nhóm đối tượng không bị ràng buộc trong điều kiện tiếp cận tín dụng trên thị trường.

Tác giả sử dụng kỹ thuật ước lượng cho dữ liệu bảng từ mô hình OLS đến các kỹ thuật ước lượng hiệu ứng cố định (FEM) và hiệu ứng ngẫu nhiên (REM). Bởi vì hạn chế của OLS trong ước lượng

dữ liệu bảng với các hiện tượng bị lệch do phương sai thay đổi, tự tương quan hay nội sinh (Kiviet, 1995), do đó ước lượng FEM và REM có thể được sử dụng để sử lý phương sai thay đổi (Ahn & Schmidt, 1995).

2.2. Dữ liệu nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả thu thập dữ liệu từ báo cáo *Key Indicators* của Brunei, Campuchia, Indonesia, Malaysia, Phillipines,

Thái Lan, và VN của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) trong giai đoạn trong giai đoạn 2000 – 2012, và báo cáo *World Development Index* của Worldbank, sau đó dữ liệu được sắp xếp theo dạng bảng. Trong đó tác giả không sử dụng dữ liệu của Đông Timor, Myanmar, và Lào vì dữ liệu không đầy đủ, trong khi đó với trường hợp của Singapore vì quốc gia này có nền kinh tế phát triển cao do đó đặc

điểm có sự khác biệt nhất định với những quốc gia còn lại, do đó để tránh trường hợp ước lượng bị lệch do dữ liệu bị nằm ngoài (outlier) nên tác giả không sử dụng dữ liệu của quốc gia này. Dữ liệu và cách tính được trình bày ở Bảng 1.

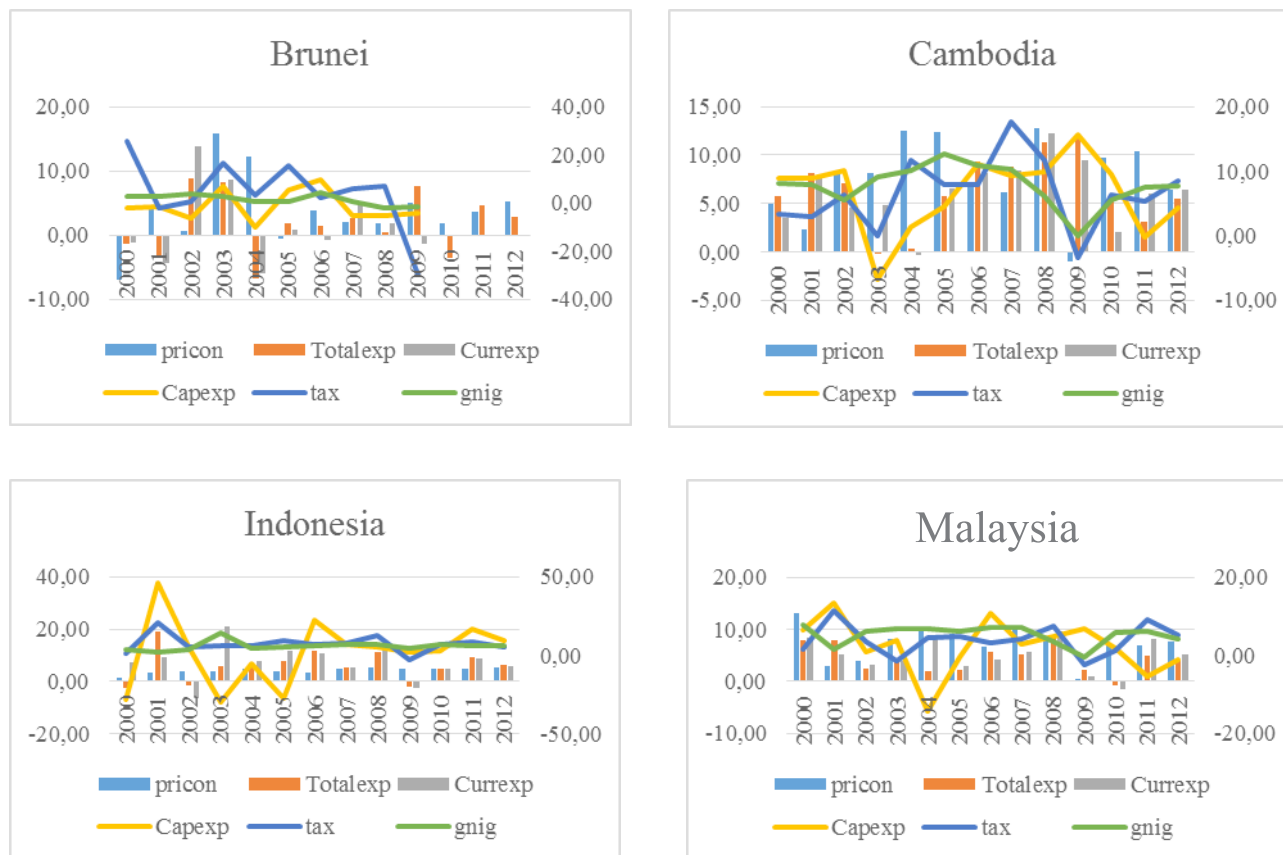
Dữ liệu của từng quốc gia được trình bày trong Hình 1.

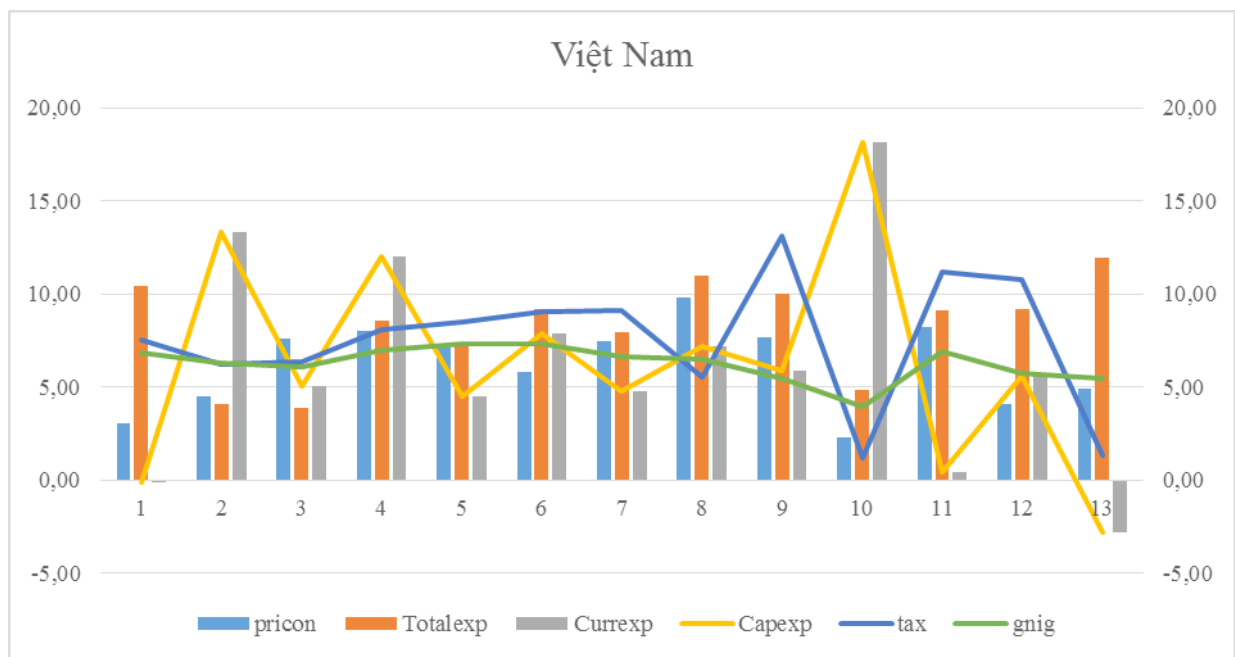
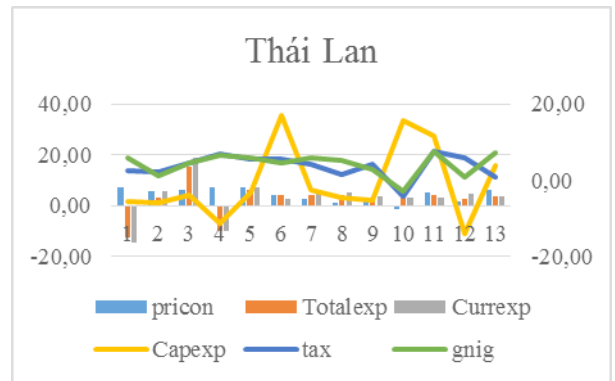
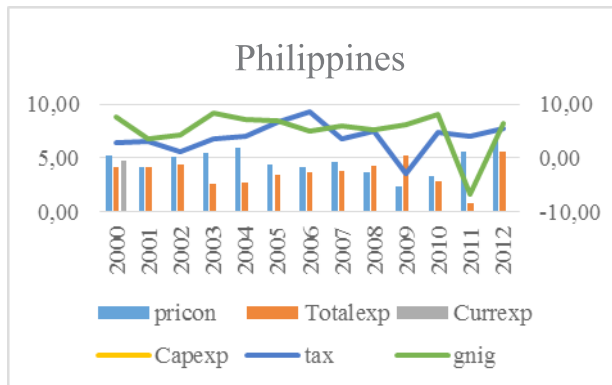
Mô tả dữ liệu được sử dụng trong mô hình ở Bảng 2.

Bảng 1. Biến và cách tính

Biến	Biến đại diện	Cách tính, đơn vị	Nguồn
ΔC	Pricon	Thay đổi theo năm trong tổng chi tiêu của khu vực tư nhân - %	ADB
	Totalexp	Thay đổi theo năm trong tổng chi tiêu của chính phủ - %	ADB
ΔG	Currexp	Thay đổi trong tổng chi tiêu thường xuyên của chính phủ - %	ADB
	Capexp	Thay đổi trong tổng chi đầu tư của chính phủ - %	ADB
ΔT	Tax	Thay đổi trong tổng số thuế của chính phủ - %	ADB
ΔY	Gnig	Thay đổi theo năm trong tổng thu nhập quốc dân (GNI) - %	WDI

Hình 1. Thông tin của các nước





Nguồn: Báo cáo Key indicators của các nước, ADB.

Bảng 2. Mô tả thống kê dữ liệu

Biến	N	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
pricon	91	5.444	3.466	-6.990	15.810
totalex	91	4.727	4.820	-12.780	19.120
currexp	76	5.001	5.835	-14.680	21.090
capexp	76	2.665	11.048	-30.200	45.930
tax	88	5.368	6.282	-29.830	25.580
gnig	88	5.299	3.211	-6.790	14.000

Nguồn: Tính toán của tác giả.

Mô tả thống kê cho thấy tăng trưởng thu nhập khả dụng trung bình khá cao (gần 5.3% trung bình) cho tất cả các nước trong giai đoạn 2000 – 2012. Trong khi đó, tăng trưởng thuế và tổng chi tiêu của chính phủ cũng tăng trưởng cao tương tự,

riêng chi tiêu thường xuyên và chi đầu tư phát triển thì chi tiêu thường xuyên của chính phủ có mức trung bình cao hơn. Sử dụng bộ dữ liệu trên, tác giả ước lượng mô hình 1 và 2, kết quả được trình bày và thảo luận ở phần tiếp theo

của bài viết.

3. Kết quả và thảo luận

Trước tiên, tác giả sử dụng biến tổng chi tiêu của chính phủ để đại diện cho chính sách tài khóa, ước lượng lần lượt được thực hiện qua

Bảng 3. Kết quả ước lượng với biến tổng chi tiêu

Biến	Mô hình 2				Mô hình 1			
	OLS	REM	Before 2008(REM)	After 2008(REM)	OLS	REM	Before 2008(REM)	After 2008 (REM)
Pricon								
gnig(-1)					.148	.095	.299*	-.102
gnig	.428***	.390***	.377**	.333**				
Tax	-.012	-.006	-.093	.077	.127**	.130**	.124	.156**
Totalexpc	-.004	-.017	-.005	.040	-.082	-.093	-.154	.128
Constant	3.325***	3.549***	4.116***	3.207***	4.600***	4.926***	4.209***	4.264***
R2/ R ² -within	0.150	0.092	0.044	0.265	0.095	0.078	0.081	0.141
R2 adj/R ² -between	0.120	0.511	0.556	0.353	0.06	0.285	0.447	0.322
R ² -overall		0.150	0.126	0.266		0.092	0.130	0.166
F-stat/Wall-chi2	4.96**	11.24***	5.45	10.10**	2.69*	7.16*	5.58	5.57
Rho		.106	.078	.113		.083	.097	0.000
Corr(u _i , X _b)		0(assumed)	0(assumed)	0(assumed)		0(assumed)	0(assumed)	0(assumed)
N	88	88	56	32	81	81	49	32
Het test/ Haus test	5.00**	0.65	0.72	0.71	0.00	3.19	0.84	5.98

*, **, *** tương ứng với mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%
 Nguồn: Tính toán của tác giả

mô hình OLS, sau đó là FEM và REM, trong đó kiểm định Hausman được ước tính để xác định sự ưu việt của FEM hay REM và lựa chọn mô hình phù hợp. Bên cạnh đó, tác giả còn tách bộ dữ liệu ra làm hai nhóm: trước khủng hoảng 2008 và trong và sau khủng hoảng 2008 để xác định tác động của khủng hoảng đến mối quan hệ cần nghiên cứu.

Kết quả ước lượng mô hình 1 với biến tổng chi tiêu của chính phủ cho thấy:

Thứ nhất, với cả hai nhóm tư nhân có ràng buộc và không bị ràng buộc thì cả thuế và chi tiêu của chính phủ có hiệu ứng phi Keynes, kết quả này có tính bền vững với chính sách thuế, trong khi tổng chi tiêu của chính phủ có hiệu ứng phi Keynes trong giai đoạn trước khủng hoảng, những lại có hiệu

ứng Keynes trong giai đoạn khủng hoảng. Như vậy, chính sách chi tiêu của chính phủ có hiệu quả hơn trong giai đoạn khủng hoảng.

Thứ hai, riêng với nhóm tư nhân không bị ràng buộc ở mô hình 2 thì chỉ có chi tiêu của chính phủ có hiệu ứng phi Keynes, trong khi thuế lại có hiệu ứng Keynes với tiêu dùng tư nhân. Tuy nhiên, mối quan hệ này lại cùng thay đổi trong giai đoạn khủng hoảng, trước khủng hoảng chi tiêu có hiệu ứng phi Keynes, thuế có hiệu ứng Keynes, nhưng trong và sau khủng hoảng thì ngược lại. Như vậy, với những khu vực tư nhân không bị ràng buộc bởi thị trường tín dụng chính sách thuế có hiệu quả hơn trong giai đoạn kinh tế bình thường, trong khi đó chính sách chi tiêu chính phủ lại có hiệu quả hơn trong giai đoạn khủng hoảng.

Để xem xét tác động của hai thành phần chính trong tổng chi tiêu của chính phủ, tác giả tiếp tục ước lượng mô hình 1 và 2 với hai biến chi tiêu thường xuyên và chi tiêu vốn của chính phủ. Kết quả được trình bày ở bảng 4 cho thấy:

Thứ nhất, với mô hình 1 cho cả hai nhóm tư nhân có và không có ràng buộc tín dụng, kết quả tương tự mô hình trên cho biến thuế có nghĩa rằng thuế có hiệu ứng phi Keynes với chi tiêu tư nhân. Trong khi đó, biến chi thường xuyên và chi đầu tư cũng có hiệu ứng phi Keynes tương tự biến tổng chi tiêu của chính phủ, tuy nhiên chỉ có chi thường xuyên thay đổi tác động trong giai đoạn khủng hoảng, trong khi biến chi đầu tư vẫn chỉ có duy nhất hiệu ứng phi Keynes trong giai đoạn trước và sau khủng hoảng. Điều này cho thấy chi thường

Bảng 4. Kết quả ước lượng với biến chi thường xuyên và chi đầu tư của chính phủ

Biến	Mô hình 2				Mô hình 1			
	OLS	REM	Before 2008(REM)	After 2008(REM)	OLS	REM	Before 2008(REM)	After 2008 (FEM)
gnig(-1)					.262*	.262*	.389**	-.039
gnig	.587***	.587***	.467**	.769***				
Tax	-.037	-.037	-.138	-.038	.125*	.125*	.114	.151*
Currexp	-.062	-.062	-.059	.055	-.100	-.100	-.118	.015
Capexp	.018	.018	.044	-.095	-.045	-.045	-.049	-.064
Constant	2.980***	2.984***	4.218***	2.203**	4.420***	4.420***	3.975***	5.030***
R ² / R ² -within	0.213	0.146	0.046	0.577	0.139	0.109	0.105	0.159
R ² adj/R ² -between	0.169	0.399	0.530	0.377	0.086	0.427	0.451	0.232
R ² -overall		0.213	0.156	0.497		0.139	0.154	0.150
F-stat/Wall-chi2	4.80***	19.20***	8.13*	21.71***	2.59**	10.36**	6.74	3.89
Rho		0.000	0.000	0.000		0.000	0.000	0.000
Corr(u _i , X _b)		0(assumed)	0(assumed)	0(assumed)		0(assumed)	0(assumed)	0(assumed)
N	76	76	49	27	69	69	42	27
Het test/ Haus test	5.53***	4.87	1.67	0.52	0.03	5.76	7.17	2.16

*, **, *** tương ứng với mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%

Nguồn: Tính toán của tác giả

xuyên của chính phủ có hiệu quả hơn trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế so với chi đầu tư.

Thứ hai, với nhóm đối tượng không bị ràng buộc bởi thị trường tín dụng trong mô hình 2, thuế cùng với chi đầu tư của chính phủ có hiệu ứng Keynes, còn chi thường xuyên lại có hiệu ứng phi Keynes. Tuy nhiên, chỉ có hiệu ứng Keynes của thuế là bền vững trong cả hai giai đoạn khủng hoảng và trước khủng hoảng, trong khi chi thường xuyên và chi đầu tư của chính phủ thay đổi tác động lên chi tiêu của khu vực tư không bị ràng buộc bởi thị trường tín dụng khi chi thường xuyên có hiệu ứng phi Keynes trước khủng hoảng thành có hiệu ứng Keynes trong giai đoạn khủng hoảng giống như hiệu ứng của tổng chi tiêu của chính phủ và ngược lại với chi đầu tư của chính phủ.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Thông qua ước lượng dữ liệu bảng không cân bằng cho 9 quốc gia đang phát triển tại khu vực Đông Nam Á để xem xét tác động của chính sách tài khóa đến chi tiêu khu vực tư nhân thông qua hiệu ứng Keynes và hiệu ứng phi Keynes trong giai đoạn 2000 – 2012 cho hai nhóm khu vực tư là nhóm bị ràng buộc với điều kiện tín dụng và nhóm không bị ràng buộc, tác giả phát hiện thấy rằng:

Tính chung cho cả hai nhóm khu vực tư, chính sách thuế có hiệu ứng phi Keynes lên tiêu dùng tư nhân, và hiệu ứng này không thay đổi cho dù có khủng hoảng. Tất cả các khoản chi tiêu của chính phủ bao gồm tổng chi tiêu, chi thường xuyên, chi đầu tư đều có hiệu ứng phi Keynes lên tiêu dùng tư nhân, nhưng điều đặc biệt là chi thường

xuyên thay đổi tác động của mình trong giai đoạn có khủng hoảng kinh tế, đồng thời với việc khoản chi này chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi của chính phủ các nước Đông Nam Á nên tổng chi của chính phủ cũng thay đổi tác động từ hiệu ứng phi Keynes thành hiệu ứng Keynes trong giai đoạn khủng hoảng.

Với riêng khu vực tư nhân không bị ràng buộc bởi thị trường tín dụng, thì chính sách thuế và chi đầu tư lại có hiệu ứng Keynes lên tiêu dùng tư nhân, nhưng mối quan hệ này không thay đổi trong giai đoạn khủng hoảng. Còn chi thường xuyên lại có hiệu ứng phi Keynes trước khủng hoảng, nhưng có hiệu ứng Keynes trong giai đoạn khủng hoảng.

Dựa trên kết quả nghiên cứu trên, tác giả rút ra một số hàm ý chính sách như sau:



Thứ nhất, với những quốc gia có hệ thống ngân hàng và thị trường tài chính còn kém phát triển, còn nhiều rào cản để khu vực tư nhân tiếp cận tín dụng, vì cả chính sách thuế và chính sách chi tiêu đều có hiệu ứng phi Keynes đặc biệt trong giai đoạn ổn định kinh tế, và có hiệu ứng Keynes với chi tiêu mà đặc biệt là chi thường xuyên của chính phủ nên những quốc gia này nên cân nhắc việc sử dụng chính sách tài khóa thông qua chi thường xuyên của mình trong giai đoạn kinh tế bất ổn và khủng hoảng, đồng thời để hạn chế tác động xấu đến thị trường cần hạn chế sử dụng chính sách thuế quá nhiều và nặng lên người dân.

Thứ hai, với những quốc gia có thị trường tài chính và hệ thống ngân hàng phát triển cao, khu vực tư ít bị ràng buộc bởi điều kiện tín dụng nên có khả năng tiếp cận tín dụng dễ dàng, vì thuế và chi đầu tư của chính phủ có hiệu ứng Keynes với tiêu dùng tư nhân nên chính phủ nên ưu tiên sử dụng hai chính sách này cho chính sách tài khóa của mình. Tuy nhiên, vì tác động của chi đầu tư thay đổi trong khủng hoảng, trong khi chi thường xuyên

từ hiệu ứng phi Keynes trong giai đoạn trước khủng hoảng lại có hiệu ứng Keynes trong giai đoạn khủng hoảng cho nên trong khủng hoảng chính phủ những quốc gia này nên sử dụng chính sách liên quan đến chi thường xuyên cho chính sách tài khóa của mình.

Với trường hợp VN, quốc gia đang phát triển kinh tế và hệ thống ngân hàng phát triển tương đối nhưng thị trường tài chính còn kém phát triển nên còn nhiều ràng buộc với khu vực tư nhân khi tiếp cận tín dụng do đó chính phủ VN nên hạn chế lạm dụng chính sách tài khóa trong giai đoạn kinh tế ổn định và sử dụng chính sách tài khóa tập trung vào chi thường xuyên nhiều hơn trong giai đoạn khủng hoảng ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ahmed, H., & Miller, S. M. (2000). Crowding-out and crowding-in effects of the components of government expenditure. *Contemporary Economic Policy*, 18(1), 124-133.

Ahn, S. C., & Schmidt, P. (1995). Efficient estimation of models for dynamic panel data. *Journal of Econometrics*, 68(1), 5-27.

Akanbi, O. A. (2013). Macroeconomic effects of fiscal policy changes: A case of South Africa. *Economic Modelling*,

35(0), 771-785. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.econmod.2013.08.039>

Bouakez, H., Chihi, F., & Normandin, M. (2014). Measuring the effects of fiscal policy. *Journal of Economic Dynamics and Control*, 47(0), 123-151. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.jedc.2014.08.004>

Candelon, B., & Lieb, L. (2013). Fiscal policy in good and bad times. *Journal of Economic Dynamics and Control*, 37(12), 2679-2694. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.jedc.2013.09.001>

Carmignani, F. (2008). The impact of fiscal policy on private consumption and social outcomes in Europe and the CIS. *Journal of Macroeconomics*, 30(1), 575-598. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.jmacro.2006.10.002>

Giavazzi, F., & Pagano, M. (1990). Can severe fiscal contractions be expansionary? Tales of two small European countries. *NBER Macroeconomics Annual 1990, Volume 5* (pp. 75-122): MIT Press.

Hemming, R., Kell, M., & Mahfouz, S. (2002). The effectiveness of fiscal policy in stimulating economic activity: A review of the literature.

Heutel, G. (2014). Crowding out and crowding in of private donations and government grants. *Public Finance Review*, 42(2), 143-175.

Hjelm, G. (2002). Is private consumption growth higher (lower) during periods of fiscal contractions (expansions)? *Journal of Macroeconomics*, 24(1), 17-39.

Jönsson, K. (2007). Fiscal policy regimes and household consumption. *Journal of Public Policy*, 27(02), 183-214.

Kiviet, J. F. (1995). On bias, inconsistency, and efficiency of various estimators in dynamic panel data models. *Journal of Econometrics*, 68(1), 53-78.

Parker, J. A., Souleles, N. S., Johnson, D. S., & McClelland, R. (2011). Consumer spending and the economic stimulus payments of 2008: National Bureau of Economic Research.

Perotti, R. (1999). Fiscal policy in good times and bad. *Quarterly Journal of Economics*, 1399-1436.